

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12/11/2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình.

Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 12/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXX-ST ngày 20/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/10/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 19/2019/QĐ-ST ngày 24/10/2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Giáp Thị T- Sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang cư trú tại Đài Loan.

(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

* Người đại diện theo ủy quyền của chị T nhận văn bản tố tụng: Ông Giáp Văn C – sinh năm 1959.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn K – Sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang cư trú tại nước ngoài không rõ địa chỉ.

(Vắng mặt không có lý do)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Giáp Văn C – sinh năm 1959.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Giáp Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở có sự tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/9/2003 tại UBND xã Đ, huyện L. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống cùng bố mẹ chồng khoảng 1 năm thì ra ở riêng. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Năm 2014 tôi sang Đài Loan để làm việc, thời gian đầu vợ chồng vẫn thường liên lạc điện thoại hỏi thăm nhau, sau đó ít dần. Do vợ chồng sống xa cách lâu ngày, không hiểu và thông cảm cho nhau nên thường xuyên mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng cắt đứt liên lạc từ năm 2015 đến nay. Năm 2017 tôi có về thăm gia đình nhưng vợ chồng không hàn gắn được nên không tìm gặp nhau. Sau đó tôi lại sang Đài Loan lao động tiếp. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị quý Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Hiện tôi đang về Việt Nam nghỉ phép nên đề nghị sớm giải quyết cho tôi. Tôi ủy quyền cho bố đẻ là ông Giáp Văn C đại diện nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

- Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Văn K có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/11/2004 và cháu Nguyễn Thị T2, sinh ngày 17/10/2006. Hiện nay, hai con của chúng tôi đang ở cùng anh K và ông bà nội cháu. Khi ly hôn tôi đề nghị toà án giao cho tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và công nợ chung vợ chồng: Chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên tôi xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án và ủy quyền cho bố đẻ là ông Giáp Văn C (sinh năm: 1959, cư trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang) đại diện nhận văn bản tố tụng.

*Bị đơn là anh Nguyễn Văn K hiện đang lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ cụ thể. Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng đồng thời giao văn bản tố tụng cho

bố đẻ anh K nhận thay và thông báo cho anh K biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại các biên bản làm việc với Tòa án, ông Nguyễn Văn V (sinh năm: 1959, nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện L) là bố đẻ anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh Nguyễn Văn K là con trai của ông, gia đình đã nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và thông báo cho anh K được biết. Anh K hiện đang lao động tại nước ngoài, anh K vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Gia đình không cung cấp địa chỉ của anh K tại nước ngoài cho Tòa án được. Gia đình không thực hiện yêu cầu của Tòa án để thông báo cho anh K được biết và gửi lời khai về cho Tòa án. Anh K có trao đổi với gia đình đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ án. Quan điểm của anh K trao đổi với gia đình về việc chị T xin ly hôn là:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh K đồng ý ly hôn với chị Giáp Thị T.

- Về con chung: Anh K và chị T có 02 con chung, ly hôn anh K đồng ý để chị T nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh K và chị T không có tài sản chung và công nợ chung.

* Tại đơn xin trình bày nguyện vọng ngày 27/8/2019 cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/11/2004 và cháu Nguyễn Thị T2, sinh ngày 17/10/2006 trình bày: Hiện các cháu đang ở cùng ông bà ngoại, các cháu vẫn đi học và phát triển bình thường. Nay bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng muốn tiếp tục ở với mẹ và ông bà ngoại.

* Tại đơn đề nghị ngày 27/8/2019 ông Giáp Văn C, sinh năm: 1959, cư trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang là bố đẻ của chị Giáp Thị T trình bày: Tôi là người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án thay cho con gái. Con tôi và anh K có hai con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/11/2004 và cháu Nguyễn Thị T2, sinh ngày 17/10/2006. Hiện các cháu đang ở cùng mẹ và gia đình tôi, các cháu vẫn đi học và phát triển bình thường. Nay chị T, anh K ly hôn các cháu có nguyện vọng muốn tiếp tục ở với mẹ và ông bà ngoại thì gia đình tôi đồng ý. Gia đình tôi đồng ý thay mặt chị T chăm sóc, giáo dục các cháu khi chị T vắng mặt tại địa phương, khi nào chị T về nước thì chị T nuôi con. Đề nghị Tòa án đưa tôi tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để có thể chăm sóc các cháu khi chị T vắng nhà. Do công việc bận nên tôi xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Giáp Thị T, anh Nguyễn Văn K, ông Giáp Văn C vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố quan điểm của các đương sự, các tài liệu Tòa án xác minh thu thập có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự chị T, ông C kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh K không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho chị Giáp Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/11/2004 và cháu Nguyễn Thị T2, sinh ngày 17/10/2006 cho chị T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên không giải quyết. Tài sản chung, công nợ chị T, anh K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Giáp Thị T là công dân Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại nước ngoài (Đài Loan) có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn K và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung. Bị đơn là anh Nguyễn Văn K có hộ khẩu thường trú tại Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện anh K đang lao động ở nước ngoài (theo gia đình cung cấp ở Đài Loan). Căn cứ công văn số: 17780/QLXNC(P5) ngày 01/11/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Nguyễn Văn K đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 27/8/2017, chưa thấy nhập cảnh về Việt Nam. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định về quan hệ pháp luật: đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn K vắng mặt không có lý do, căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp cố tình giấu

địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn K theo quy định tại Điều 177, Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa nhưng có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; điểm a, khoản 5, Điều 477 - Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn K và các đương sự khác.

[3]. Về quan hệ vợ chồng:

[3.1]. Chị Giáp Thị T và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự do, tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/9/2003 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Nguyễn Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đó chị Giáp Thị T có tên trong giấy đăng ký kết hôn là Giáp Thị T1. Tại quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND huyện L đã cho phép chị Giáp Thị T1 được đổi tên trong Giấy khai sinh từ Giáp Thị T1 thành Giáp Thị T. Vì vậy khi giải quyết việc ly hôn cần chấp nhận tên trong giấy chứng nhận kết hôn của chị Giáp Thị T1 hiện nay đã được đổi thành Giáp Thị T.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T chung sống cùng bố mẹ chồng khoảng 1 năm thì ra ở riêng. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Năm 2014 chị T sang Đài Loan để làm việc, thời gian đầu vợ chồng vẫn thường liên lạc điện thoại hỏi thăm nhau, sau đó ít dần. Do vợ chồng sống xa cách lâu ngày, không hiểu và thông cảm cho nhau nên thường xuyên mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng cắt đứt liên lạc từ năm 2015 đến nay. Năm 2017 chị T có về thăm gia đình nhưng vợ chồng không hàn gắn được nên không tìm gặp nhau. Sau đó chị T lại sang Đài Loan lao động tiếp. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Trong suốt thời gian chị T, anh K đi lao động, làm ăn ở nước ngoài cho đến nay thì vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cả 2 bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị T và anh K đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng, kéo dài từ năm 2015 đến nay vợ chồng cũng không còn quan tâm nhau nữa. Xét thấy đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Giáp Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

[4]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

[4.1].Chị Giáp Thị T và anh Nguyễn Văn K có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/11/2004 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/10/2006. Hiện nay hai con chung đang ở cùng với gia đình bố mẹ chị T là ông Giáp Văn C, sinh năm: 1959, cư trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khi ly hôn chị T đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K thông qua bố đẻ là ông Nguyễn Văn V có quan điểm trình bày đồng ý để chị T nuôi 2 con chung.

[4.2]. HĐXX thấy: Hiện nay anh Nguyễn Văn K và chị Giáp Thị T đều đang lao động tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Hai con chung của chị T, anh K đang ở ổn định cùng ông bà ngoại. Anh K đồng ý để chị T nuôi con chung. Bên cạnh đó, ông Giáp Văn C là ông ngoại của các cháu cũng đồng ý đứng ra nhận trách nhiệm để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh K, chị T trong thời gian chị T không có ở nhà. Việc ông Giáp Văn C nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu ngoại cũng phù hợp theo quy định của Điều 104- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Mặt khác nguyện vọng của hai cháu T, T đang sinh sống, học tập ổn định, hai cháu cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ và ông bà ngoại. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, đảm bảo ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường, tránh xáo trộn đời sống của con chung, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Giáp Thị T được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

[4.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Giáp Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4.4]. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Giáp Thị T và anh Nguyễn Văn K không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí ly hôn: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Giáp Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 153; khoản 1, Điều 154; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:Chị Giáp Thị T (tên trong giấy chứng nhận kết hôn là Giáp Thị T1) được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

- Giao con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/11/2004 và Nguyễn Thị T2, sinh ngày 17/10/2006 cho chị Giáp Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm:Chị Giáp Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng(*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí,lệ phí Tòa án số AA/2018/0000114 ngày 11/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Chị T đã nộp đủ 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Đương sự cư trú tại Việt Nam, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Đ, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng